TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **179**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 03/6/2024
V/v *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA- TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Công Danh – Cán bộ hưu trí.

Bà Nguyễn Thị Kim Chi – Cán bộ hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Phương Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Duyên – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 444/2024/TLST-HNGĐ ngày 05/3/2024, về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 167/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Đỗ Thị N**, sinh năm 1984;

Địa chỉ: D, thị trấn Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Thiện V**, sinh năm 1979;

Địa chỉ thương trú: Ấp A, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ tạm trú: Số B, khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Chị N, anh V có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Đỗ Thị N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thiện V tự nguyện kết hôn với nhau năm 2010 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc với nhau một thời gian. Tuy nhiên sau đó bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bắt đồng quan điểm, anh V không chăm lo cuộc sống gia đình, thường xuyên nhậu nhẹt, chửi bới, vợ chồng suy nghĩ trái ngược nhau. Hai vợ chồng đã cố gắng hàn gắn, tìm cách giải quyết nhưng không có kết quả. Hiện nay chị và anh V đã ly thân với nhau từ tháng 07 năm 2020 đến nay. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thiện V.

- Về con chung: Chị xác định có 02 con chung là cháu Nguyễn Đỗ Ngọc A, sinh ngày 30/8/2011 và cháu Nguyễn Thiện Đ, sinh ngày 10/11/2012. Ly hôn, chị Đỗ Thị N xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Ngọc A và giao cho anh Nguyễn Thiện V trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Đ, tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Bị đơn anh Nguyễn Thiện V trình bày**:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh không đồng ý ly hôn với chị N.

- Về con chung: Anh V xác định có 02 con chung là cháu Nguyễn Đỗ Ngọc A, sinh ngày 30/8/2011 và cháu Nguyễn Thiện Đ, sinh ngày 10/11/2012. Hiện nay cháu A đang ở với chị N, cháu Đ đang ở với anh. Ly hôn, anh xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con chung. Tạm thời anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh phố B:

+ Về việc kiểm sát chấp hành pháp luật tố tụng: Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết, Tòa án đã xác định đúng theo quy định pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp

hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục theo quy định pháp luật.

+ Về việc giải quyết tranh chấp: Từ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Đỗ Thị N, cho chị Đỗ Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Thiện V; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thiện Đ, sinh ngày 10/11/2012 cho anh V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Đỗ Ngọc A, sinh ngày 30/8/2011 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời chị N, anh V không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau; Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết. Về án phí: Chị Đỗ Thị N phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Đỗ Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thiện V. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định chị Đỗ Thị N là nguyên đơn, anh Nguyễn Thiện V là bị đơn.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Thiện V hiện nay đang cư trú tại thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

[3] Về thủ tục tố tụng: Chị Đỗ Thị N, anh Nguyễn Thiện V có đơn xin vắng mặt tại các phiên toà xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Toà án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đối với chị N, anh V.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị N, HĐXX xét thấy: Chị Đỗ Thị N và anh Nguyễn Thiện V tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2010 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai được cấp Giấy chứng

nhận kết hôn số 122/2010 ngày 09/9/2010 nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, anh V không chăm lo cuộc sống gia đình, thường xuyên nhậu nhẹt, chửi bới, vợ chồng suy nghĩ trái ngược nhau. Đến tháng 7/2020 do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên chị N đã về quê tại T cho đến nay có xác nhận của Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Từ khi ly thân đến nay chị N và anh V không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Quá trình giải quyết vụ án và hoà giải chị N vẫn cương quyết ly hôn với anh V vì không còn tình cảm gì với anh V nữa. Anh V không đồng ý ly hôn mong muốn hàn gắn nhưng không có biện pháp gì để hàn gắn vợ chồng. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh V là có thật, đời sống chung không thể kéo dài nên việc chị N xin ly hôn là chính đáng. Do đó, Tòa án căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho chị Đỗ Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Thiện V.

[5] Về con chung: Chị N, anh V xác định có 02 con chung cháu Nguyễn Đỗ Ngọc A, sinh ngày 30/8/2011 và cháu Nguyễn Thiện Đ, sinh ngày 10/11/2012. Hiện nay cháu Đ đang ở với anh V, cháu Ngọc A đang ở với chị N. Ly hôn chị N xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ngọc A, giao cháu Đ cho anh V trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Anh V xin trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng chăm sóc cả 02 cháu. Tạm thời không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy cháu Đ hiện nay đang ở với anh V. Cháu Ngọc A đang ở với chị N và cháu Ngọc A có nguyện vọng được ở với mẹ. Theo biên bản xác minh ngày 08/4/2024 tại địa phương do Ủy ban nhân dân phường T cung cấp, hiện nay cháu Nguyễn Thiện Đ, sinh ngày 10/11/2012 đang ở với anh Nguyễn Thiện V. Tuy nhiên vào ngày 08/4/2024 Tòa án đến nhà anh V tiến hành lấy lời khai của cháu Đ nhưng cháu Đ đang đi học không có ở nhà, đồng thời anh V không cho lấy lời khai của cháu Đ. Tòa án đã phát hành Thông báo về việc yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số 264/TB-TA ngày 09/4/2024, yêu cầu anh V cung cấp điều kiện về việc nuôi con nhưng anh V không cung cấp. Do đó, để không làm xáo trộn đời sống tâm sinh lý cũng như việc ăn ở, học hành của hai cháu, vì vậy cần thiết giao cháu Nguyễn Thiện Đ, sinh ngày 10/11/2012 cho anh V trực tiếp

chăm sóc, nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Đỗ Ngọc A, sinh ngày 30/8/2011 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời chị N, anh V không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con cho nhau do anh chị không yêu cầu.

Chị N, anh V được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết

[7] Về nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8] Về ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát và đương sự:

- Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

- Xét yêu cầu của chị N phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[9] Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Đỗ Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh Nguyễn Thiện V không phải nộp án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Áp dụng Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị N, chị Đỗ Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Thiện V.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thiện Đ, sinh ngày 10/11/2012 cho anh V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Đỗ Ngọc A, sinh ngày 30/8/2011 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời chị N, anh V không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con cho nhau do anh chị không yêu cầu.

Chị N, anh V được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Án phí HNGĐ sơ thẩm: Chị Đỗ Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị N đã nộp tại biên lai số 0007429 ngày 21/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Chị Đỗ Thị N đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh Nguyễn Thiện V không phải nộp án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Đỗ Thị N, anh Nguyễn Thiện V được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Quỳnh

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- THA dân sự;
- UBND nơi ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu.